TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: Kế toán - Kiểm toán**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 1**

**Học kỳ 3, năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: DAC0031

Tên học phần: Kế toán tài chính 2

Mã nhóm lớp học phần: 213\_ DAC0031\_01

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**Cách thức nộp bài phần tự luận:** Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 CÂU x 0,5 ĐIỂM/CÂU = 3 ĐIỂM)**

**Câu 01: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 1-a:** Nghiệp vụ giao dịch ngoại tệ nào dưới đây khi xảy ra, KHÔNG phát sinh chênh lệch tỷ giá. Giả định tỷ giá ghi sổ của các TK liên quan là khác nhau và không bằng với tỷ giá giao dịch thực tế.

**A.** Xuất khẩu hàng hoá bán cho khách thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng ngoại tệ

**B.** Chuyển khoản ngoại tệ ký quỹ mở L/C

**C.** Thu nợ khách hàng bằng tiền gửi ngân hàng ngoại tệ

**D.** Chuyển khoản ngoại tệ thanh toán nợ nhà cung cấp

ANSWER: A

**Câu 1-b:** Nghiệp vụ giao dịch ngoại tệ nào dưới đây khi xảy ra, CÓ phát sinh chênh lệch tỷ giá. Giả định tỷ giá ghi sổ của các TK liên quan là khác nhau và không bằng với tỷ giá giao dịch thực tế.

**A.** Chuyển khoản ngoại tệ nhập khẩu nhập kho hàng hoá

**B.** Rút tiền gửi ngân hàng ngoại tệ, nhập quỹ tiền mặt ngoại tệ

**C.** Chi tiền mặt mua ngoại tệ

**D.** Xuất khẩu hàng hoá bán cho khách thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng ngoại tệ

ANSWER: A

**Câu 02: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 2-a:**

Cuối năm, số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cho năm nay là 24.000.000đ, số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh ở đầu năm là 10.000.000đ, kế toán ghi:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Nợ TK 635 14.000.000 Có TK 2291 14.000.000 | **B**. Nợ TK 635 14.000.000 Có TK 2292 14.000.000 |
| **C**. Nợ TK 642 14.000.000 Có TK 2293 14.000.000 | **D**. Nợ TK 635 24.000.000 Có TK 2291 24.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 2-b:**

Cuối năm, số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cho năm nay là 10.000.000đ, số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh ở đầu năm là 24.000.000đ, kế toán ghi:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Nợ TK 2291 14.000.000 Có TK 635 14.000.000 | **B**. Nợ TK 635 14.000.000 Có TK 2291 14.000.000 |
| **C**. Nợ TK 2293 14.000.000 Có TK 642 14.000.000 | **D**. Nợ TK 635 10.000.000 Có TK 2291 10.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 03: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 3-a:**

Công ty cổ phần Y phát hành trái phiếu thường dùng cho hoạt động mở rộng nhà xưởng, thu bằng tiền mặt, bao gồm 500 trái phiếu, mệnh giá 500.000đ/trái phiếu, giá phát hành 480.000đ/trái phiếu, thời hạn 02 năm, lãi suất 9%/năm, trả lãi khi đáo hạn, kế toán ghi nhận:

**A.** Nợ TK 111: 240.000.000, Nợ TK 34312: 10.000.000/Có TK 34311: 250.000.000

**B.** Nợ TK 111: 240.000.000/Có TK 34311: 240.000.000

**C.** Nợ TK 111: 240.000.000, Nợ TK 242: 10.000.000/Có TK 34311: 250.000.000

**D.** Nợ TK 111: 240.000.000, Nợ TK 635: 10.000.000/Có TK 34311: 250.000.000

ANSWER: A

**Câu 3-b:**

Công ty cổ phần Y phát hành trái phiếu thường dùng cho hoạt động mở rộng nhà xưởng, thu bằng tiền mặt, bao gồm 500 trái phiếu, mệnh giá 500.000đ/trái phiếu, giá phát hành 520.000đ/trái phiếu, thời hạn 02 năm, lãi suất 9%/năm, trả lãi khi đáo hạn, kế toán ghi nhận:

**A.** Nợ TK 111: 260.000.000/Có TK 34311: 250.000.000, Có TK 34313: 10.000.000

**B.** Nợ TK 111: 260.000.000/Có TK 34311: 250.000.000, Có TK 3387: 10.000.000

**C.** Nợ TK 111: 260.000.000/Có TK 34311: 250.000.000, Có TK 515: 10.000.000

**D.** Nợ TK 111: 260.000.000/Có TK 34311: 260.000.000

ANSWER: A

**Câu 04: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 4-a:**

Trường hợp nào sau đây kế toán hạch toán: Nợ TK 421, Nợ TK 4112/Có TK 419

**A.** Công ty tái phát hành cổ phiếu quỹ chia lãi cho cổ đông, biết giá gốc bình quân của cổ phiếu quỹ là 100.000đ/CP, giá phát hành là 99.000đ/CP.

**B.** Công ty tái phát hành cổ phiếu quỹ chia lãi cho cổ đông, biết giá gốc bình quân của cổ phiếu quỹ là 99.000đ/CP, giá phát hành là 100.000đ/CP.

**C.** Công ty tái phát hành cổ phiếu quỹ, biết giá gốc bình quân của cổ phiếu quỹ là 99.000đ/CP, giá phát hành là 100.000đ/CP.

**D.** Công ty tái phát hành cổ phiếu quỹ, biết giá gốc bình quân của cổ phiếu quỹ là 99.000đ/CP, giá phát hành là 100.000đ/CP.

ANSWER: A

**Câu 4-b:**

Trường hợp nào sau đây kế toán hạch toán: Nợ TK 4111, Nợ TK 4112/Có TK 419

**A.** Công ty huỷ bỏ cổ phiếu quỹ, biết giá gốc bình quân của cổ phiếu quỹ là 100.000đ/CP, giá phát hành là 99.000đ/CP.

**B.** Công ty huỷ bỏ cổ phiếu quỹ, biết giá gốc bình quân của cổ phiếu quỹ là 99.000đ/CP, giá phát hành là 100.000đ/CP.

**C.** Công ty tái phát hành cổ phiếu quỹ, biết giá gốc bình quân của cổ phiếu quỹ là 100.000đ/CP, giá phát hành là 99.000đ/CP.

**D.** Công ty tái phát hành cổ phiếu quỹ, biết giá gốc bình quân của cổ phiếu quỹ là 99.000đ/CP, giá phát hành là 100.000đ/CP.

ANSWER: A

**Câu 05: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 5-a:**

Trong năm, công ty X có tình hình hoạt động khác của công ty A như sau:

* Tổng thu nhập khác: 89 triệu đồng (trong đó thu từ tiền được bồi thường hợp đồng 10 triệu đồng, khoản thu thanh lý bán tài sản cố định 79 triệu đồng);
* Chi phí khác: 62,5 triệu đồng (trong đó: chi phí vận chuyển TSCĐ đem thanh lý 1,5 triệu đồng, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý là 60 triệu đồng và kiểm kê tiền mặt thiếu 1 triệu đồng do công ty chịu.

**Kế toán sẽ trình bày các thông tin này trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào chỉ tiêu “Thu nhập khác” là…………..và “Chi phí khác” là……………**

**A.** 27,5 triệu đồng; 1 triệu đồng

**B.** 89 triệu đồng; 62,5 triệu đồng

**C.** 29 triệu đồng; 2,5 triệu đồng

**D.** 26,5 triệu đồng; 0 đồng

ANSWER: A

**Câu 5-b:**

Trong năm, công ty X có tình hình hoạt động khác của công ty A như sau:

* Tổng thu nhập khác: 89 triệu đồng (trong đó công ty được biếu tặng 1 tài sản trị giá 23 triệu đồng, khoản thu thanh lý bán tài sản cố định 89 triệu đồng);
* Chi phí khác: 62,5 triệu đồng (trong đó: chi phí tân trang TSCĐ đem thanh lý 7,5 triệu đồng, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý là 82 triệu đồng và bồi thường do vi phạm hợp đồng là 13 triệu đồng do công ty chịu.

 Kế toán sẽ trình bày các thông tin này trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào chỉ tiêu “Thu nhập khác” là…………..và “Chi phí khác” là……………

**A.** 27,5 triệu đồng; 1 triệu đồng

**B.** 23 triệu đồng; 13,5 triệu đồng

**C.** 30 triệu đồng; 20,5 triệu đồng

**D.** 9,5 triệu đồng; 0 đồng

ANSWER: A

**Câu 06: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 6-a:**

Nghiệp vụ nào sau đây làm giảm lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh?

**A.** Vay ngắn hạn ngân hàng ứng trước tiền hàng cho người bán B là 80.000.000đ

**B.** Nhận hàng của người bán B giao nhập kho giá chưa thuế 100.000.000đ, thuế GTGT 10%

**C.** Bán cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết có giá gốc 50.000.000đ, giá bán 61.000.000đ đã thu bằng TGNH

**D.** Chuyển TGNH trả nợ vay ngắn hạn 80.000.000đ

 ANSWER: A

**Câu 6-b:**

Nghiệp vụ nào sau đây làm giảm lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính?

**A.** Chuyển TGNH trả nợ vay ngắn hạn 80.000.000đ

**B.** Nhận hàng của người bán B giao nhập kho giá chưa thuế 100.000.000đ, thuế GTGT 10%

**C.** Bán cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết có giá gốc 50.000.000đ, giá bán 61.000.000đ đã thu bằng TGNH

**D.** Vay ngắn hạn ngân hàng ứng trước tiền hàng cho người bán B là 80.000.000đ

 ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)**

**Đáp án: (7 ĐIỂM)**

*Công ty cổ phần A áp dụng kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; xuất kho theo phương pháp BQGQ sau từng lần nhập. Trong kỳ công ty có các số liệu liên quan hoạt động kinh doanh được kế toán ghi nhận trong các tài liệu sau đây:*

Tài liệu 1 - Số dư của một số tài khoản tại ngày 01/12/N, như sau:

* TK 1122: 1.125.000.000đ (50.000 USD)
* TK 1211.X: 150.000.000 (chi tiết 10.000 cổ phiếu của công ty X, mệnh giá cổ phiếu 10.000đ/CP)
* TK 222.Y: 400.000.000
* Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Tài liệu 2 – Tháng 12/N, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

**1. Ngày 01,** xuất kho xuất khẩu lô hàng hoá bán cho công ty A chưa thu tiền, lô hàng này có giá xuất kho 200.000.000đ, giá bán 14.000 USD, thuế Xuất Khẩu 5% đã nộp bằng tiền gửi ngân hàng (VND), TGGDTT mua 22.850 VND/USD, TGGDTT bán 23.020 VND/USD, TG tính thuế của Hải quan là 23.030 VND/USD. **(2,0 điểm)**

**+ Giá vốn hàng bán (0,5 điểm)**

**Nợ TK 632 200.000.000**

 **Có TK 1561 200.000.000**

**+ Doanh thu bán hàng (0,5 điểm)**

**Nợ TK 131A 319.900.000**

 **Có TK 511 319.900.000 [14.000 x 22.850]**

**+ Thuế Xuất Khẩu (0,5 điểm)**

**Nợ TK 511 16.121.000**

 **Có TK 3333 16.121.000 [14.000 x 23.030x5%]**

**+ Nộp thuế XK (0,5 điểm)**

**Nợ TK 3333 16.121.000**

 **Có TK 1121 16.121.000**

**2. Ngày 08**, góp thêm vốn vào công ty Y bằng một TSCĐHH có nguyên giá 490.000.000đ, hao mòn luỹ kế 280.000.000đ, giá trị vốn góp được thống nhất giữa hai bên là 240.000.000đ. Công ty A chi tiền mặt 3.300.000đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%) thanh toán chi phí vận chuyển lắp đặt tài sản góp vốn (CP này không được tính vào vốn góp). Sau đợt góp vốn này, tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty A lên 51%. **(1,5 điểm)**

**+ Đem TSCĐ đi góp vốn (0,5 điểm)**

**Nợ TK 222Y 240.000.000**

**Nợ TK 214 280.000.000**

 **Có TK 211 490.000.000**

 **Có TK 711 30.000.000**

**+ CP vận chuyển tài sản đi góp vốn (0,5 điểm)**

**Nợ TK 811 3.300.000**

**Nợ TK 133 300.000**

 **Có TK 111 3.300.000**

**+ Chuyển đầu tư Cty LDLK trở thành Cty con (0,5 điểm)**

**Nợ TK 221.Y 640.000.000**

 **Có TK 222.Y 640.000.000 [240.000.000 + 400.000.000]**

**3. Ngày 12,** bán 4.000 cổ phiếu của công ty X, giá bán 19.000đ/CP. Chi phí giao dịch 0,5% tổng giá trị giao dịch. Thu, chi đều được thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng (VND). **(1,0 điểm)**

**+ Bán cổ phiếu X (0,5 điểm)**

**Nợ TK 1121 76.000.000**

 **Có TK 1211.X 60.000.000 (150.000.000/10.000 x 4.000)**

 **Có TK 515 16.000.000**

**+ Chi phí giao dịch (0,5 điểm)**

**Nợ TK 635 380.000**

 **Có TK 1121 380.000 [76.000.000 x 0,2%]**

**4. Ngày 15,** phát hành thêm 500.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000đ/CP, giá phát hành 15.000đ/CP đã thu bằng tiền gửi ngân hàng (VND), chi phí phát hành cổ phiếu 15.000.000đ thanh toán bằng tiền mặt **(1,0 điểm)**

**+ Phát hành cổ phiếu: (0,5 điểm)**

 **Nợ TK 1121 7.500.000.000**

 **Có TK 41111 5.000.000.000**

 **Có TK 4112 2.500.000.000**

**+ Chi phí phát hành: (0,5 điểm)**

**Nợ TK 4112 15.000.000**

 **Có TK 1111 15.000.000**

**5**. **Ngày 17,** mua lại một số trái phiếu Kho Bạc nắm giữ đến ngày đáo hạn, chi trả ngay bằng tiền mặt 15.000.000đ, trái phiếu này có mệnh giá 20.000.000đ, thời hạn thanh toán 5 năm, lãi suất 60%/5 năm, phát hành tháng 07/N. **(0,5 điểm)**

**+ Mua lại trái phiếu KB (0,5 điểm)**

**Nợ TK 1282 15.000.000**

 **Có TK 111 15.000.000**

**6**. **Ngày 30**, quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 200.000.000đ **(0,5 điểm)**

**+ Chia cổ tức (0,5 điểm)**

**Nợ TK 421 200.000.000**

 **Có TK 3388 200.000.000**

**7. Ngày 31/12**, đáo hạn trái phiếu thường công ty đã phát hành 5 năm trước có giá bán phụ trội 115.000.000đ, mệnh giá 100.000.000đ. Công ty chi tiền mặt trả nợ gốc và lãi kỳ cuối, biết phương thức trả lãi định kỳ sau mỗi năm, lãi suất trái phiếu 12%/năm, công ty đã tính trước lãi trái phiếu của kỳ cuối và phân bổ hết phụ trội trái phiếu **(0,5 điểm)**

**+ Chi tiền mặt trả nợ gốc và lãi (0,5 điểm)**

**Nợ TK 34311 100.000.000**

**Nợ TK 635 1.000.000**

**Nợ TK 335 11.000.000**

**Có TK 111 112.000.000 [100.000.000 x 12% + 100.000.000]**

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Q**.** Biết công ty Q không tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công.

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

*Ngày biên soạn: 29/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi: Lê Ngọc Anh**

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: Nguyễn Thị Thu Vân**

- Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.